

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC VỀ GIẢM THIỂU RỦI RO TRONG SẢN XUẤT CÀ PHÊ Ở VIỆT NAM”

Nguyễn Ngọc Thắng*, Nguyễn Tất Thắng**

Ngày nhận: 18/9/2015

Ngày nhận bản sửa: 20/11/2015

Ngày duyệt đăng: 25/12/2015

Tóm tắt:

Việt Nam là quốc gia có lợi thế so sánh trong phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt các cây nông sản như cà phê. Hiện nay, cà phê Việt Nam đứng đầu thế giới về sản lượng xuất khẩu, tuy nhiên người sản xuất cà phê còn gặp phải nhiều rủi ro. Kinh nghiệm giảm thiểu rủi ro của Brazil cho thấy vai trò của các tổ chức tài chính vi mô trong việc hỗ trợ người dân sản xuất cà phê. Ở Mexico, ASERCA là một tổ chức thuộc chính phủ, có trách nhiệm cung cấp các dịch vụ cho khu vực nông nghiệp trong nước, bao gồm mua (có trợ cấp) hợp đồng quyền chọn mua và hợp đồng quyền chọn bán cho nông dân trồng lúa, bông và cà phê,... Và ở Tanzania đó là “Hợp đồng đảm bảo giá”, sau đó là sự phát triển của hợp tác xã lớn nhất của Tanzania – Kilimanjaro Native Cooperative Union (KNCU), với hàng ngàn thành viên. Đây là những kinh nghiệm quan trọng nhằm rút ra các bài học giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê ở Việt Nam.

Từ khóa: Cà phê; Giảm thiểu rủi ro; Sản xuất;

Domestic and international experiences in reducing risk in coffee production in Vietnam

Abstract:

Vietnam has a comparative advantage in agricultural development, especially in production of coffee. Nowadays, Vietnam is the world leader in exporting coffee. However, coffee producers are facing many risks. The experiences of Brazil in reducing risk show that micro-finance institutions play an important role in supporting coffee production. In Mexico, ASERCA is a government organization that is responsible for providing services to the agricultural sector in the country, including the purchases (with allowances), option-to-purchase contract and option-to-sell contract for farmers producing rice, cotton and coffee. In Tanzania, there is "guaranteed price contracts", and the largest cooperative of Tanzania - Kilimanjaro Native Cooperative Union (KNCU) has thousands of members. These are useful experiences that help to minimize risks in coffee production in Vietnam.

Key words: Coffee, reducing risks, production.

1. Đặt vấn đề

Trong sản xuất ngành nông nghiệp của Việt Nam, cà phê giữ vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm qua, sản xuất cà phê có những phát triển mạnh mẽ, theo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cao Đức Phát, cả nước hiện có trên 640.000 ha cà phê, tập trung ở vùng Tây Nguyên. Với sản lượng trên 1,6 triệu tấn

cà phê nhân/năm, Việt Nam đang là nước xuất khẩu cà phê đứng thứ hai thế giới, và là quốc gia dẫn đầu về sản xuất cà phê Robusta, chiếm gần 1/5 tổng sản lượng cà phê toàn cầu. Cà phê nước ta đã xuất khẩu đến hơn 60 nước và vùng lãnh thổ với kim ngạch đạt 3,4 tỷ USD. Hàng năm, ngành cà phê không những đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của đất nước (chiếm khoảng 2% GDP) mà còn là nguồn thu chủ yếu của 540.000 hộ gia đình nông dân trồng cà phê,

với trên 1,6 triệu lao động (lao động trực tiếp và gián tiếp); góp phần quan trọng vào việc ổn định chính trị, xã hội, nhất là các tỉnh Tây Nguyên. Điều đó có thể khẳng định sản xuất cà phê ở Việt Nam có vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng (Minh Tuấn & Anh Thi, 2015).

Bên cạnh những thành tựu, kết quả đóng góp ở trên thì sản xuất cà phê những năm qua của Việt Nam gặp nhiều khó khăn và hạn chế, đó là: Quy hoạch phát triển sản xuất cà phê còn chưa tốt; đầu tư và quản lý các nguồn lực cho sản xuất chưa hợp lý; việc chăm sóc và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa được chú trọng thỏa đáng; sự liên kết giữa các tác nhân trong sản xuất kinh doanh còn lỏng lẻo, việc dự báo và phát triển các nội dung về thị trường giá cả chưa sát thực... Đặc biệt, người nông dân gặp nhiều rủi ro trong sản xuất cà phê (từ rủi ro về đầu vào, đến biến động giá, thời tiết, đến rủi ro về tin dụng và chính sách), từ đó gây ra những thiệt hại, tổn thất, gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất cà phê.

Do vậy, để đảm bảo ổn định sản xuất, nâng cao kết quả và hiệu quả sản xuất cà phê, nhất là giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê của hộ nông dân sản xuất cà phê ở Việt Nam, cần có một nghiên cứu tổng quan về kinh nghiệm giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê trên thế giới cũng như ở Việt Nam, làm bài học kinh nghiệm trong giảm thiểu rủi ro cho sản xuất cà phê.

2. Tổng quan nghiên cứu và Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này tập trung vào việc tổng hợp và hệ thống hóa các kinh nghiệm nhằm giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê cho hộ nông dân trên thế giới và Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là thu thập các thông tin thứ cấp từ các nguồn khác nhau, tổng hợp và phân loại nhằm hệ thống hóa rút ra các bài học kinh nghiệm giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê ở Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Một số quan điểm tiếp cận về rủi ro và giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê

Quan điểm tiếp cận rủi ro được đưa ra rất nhiều, dưới nhiều góc nhìn khác nhau, có thể ghi nhận một vài định nghĩa như sau: (1) Theo Knight (1921): “Rủi ro là sự bất trắc có thể đo lường được”; (2) Theo Preffer (1956): “Rủi ro là tổng hợp những sự ngẫu nhiên có thể đo lường được bằng xác suất; và (3) Theo Willett (1951): “Rủi ro là sự bất trắc cụ thể liên quan đến việc xuất hiện một biến cố không

mong đợi”.

Sản xuất cà phê là quá trình làm ra sản phẩm cà phê để sử dụng, hay để trao đổi trong thương mại. Quá trình làm ra sản phẩm cà phê bao gồm những nội dung từ giai đoạn đầu cho đến khi tạo ra sản phẩm cà phê, được hiểu là những nội dung như: chủ trương, chính sách; quy hoạch; nguồn lực; tổ chức thực hiện; chăm sóc và áp dụng kỹ thuật; liên kết và phối hợp; chế biến và bảo quản sản phẩm trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm cà phê để sử dụng hay trao đổi thương mại.

Mục đích của giảm thiểu rủi ro là xây dựng các phương án, phân loại rủi ro, kiểm soát rủi ro và nêu ra các biện pháp phòng tránh, khắc phục hậu quả, theo dõi liên tục các biến động khác để lựa chọn phương án thích hợp.

Giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê cho hộ nông dân là xây dựng các phương án nhận dạng, đo lường và phân loại rủi ro đã và sẽ xảy ra trong tương lai, kiểm soát rủi ro sẽ xảy ra bằng phương án “làm đúng ngay từ đầu”, áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiến tiến vào quá trình trồng, chăm sóc và thu hoạch cà phê của hộ nông dân, đánh giá các rủi ro đã xảy ra và biện pháp phòng tránh, khắc phục hậu quả và theo dõi các biến động của thị trường để lựa chọn phương án sản xuất thích hợp nhất.

3.2. Kinh nghiệm giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê trên thế giới

3.2.1. Kinh nghiệm giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê ở Brazil

Tình trạng mất khả năng trả nợ của nhà nước cộng với sự không ổn định về kinh tế những năm 1980 tại Brazil đã dẫn đến sụp đổ chính sách tín dụng nông thôn vào đầu những năm 1990. Đầu những năm 1990, do tín dụng bị thu hẹp, hợp đồng giao sau (forward contract) đậu nành đầu tiên đã xuất hiện. Theo đó, những hãng kinh doanh đa quốc gia có điều kiện tiếp cận cơ chế phòng ngừa rủi ro thông qua các hợp đồng kỳ hạn (*Hợp đồng kỳ hạn là hợp đồng giữa hai bên – người mua và người bán – để mua hoặc bán hàng hóa cụ thể vào một ngày trong tương lai với giá đã thỏa thuận ngày hôm nay*) và nguồn tín dụng quốc tế rẻ hơn, bắt đầu đóng vai trò cơ bản trong việc cung cấp nguồn lực cho người sản xuất nhằm đảm bảo nguyên liệu thô cho xuất khẩu và cho các nhà máy sản xuất của họ. Đây là cơ chế cơ bản vào thời gian đầu của quá trình chuyển đổi, từ hệ thống cung cấp tín dụng độc quyền ở khu vực công sang hệ thống song đôi – cả khu vực công và tư. Khu vực tư nhân Brazil từ chỗ chỉ chiếm 20%

tổng nguồn lực cho nông nghiệp trong những năm 1980, đến năm 2005 đã chiếm tới hơn 70% (Phuong Nguyễn, 2012).

Sau nhiều thập niên có mức lạm phát cao và nhiều nỗ lực kiểm soát, Brazil đã thực thi một chương trình ổn định kinh tế với tên gọi Kế hoạch real (đặt theo tên đồng tiền mới real) vào năm 1994 trong thời kỳ nắm quyền của tổng thống Itamar Franco. Gói kinh tế này đã giúp một chu kỳ kinh tế mới bắt đầu với sự tập trung vào nông nghiệp và mang lại kết quả nổi bật trong khu vực này. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu cơ chế chính thức và an toàn hơn, kết quả là Cedula Produto Rural (CPR) ra đời – đây là một loại trái phiếu được người sản xuất (nông dân và hợp tác xã) phát hành dựa vào sản lượng thu hoạch trong tương lai (Phuong Nguyễn, 2012).

Thông qua việc phát hành CPR, người sản xuất nông nghiệp sẽ bán nông sản trước khi thu hoạch (bằng cách thế chấp sản lượng thu hoạch trong tương lai), để nhận trước nguồn tài chính hoặc các sản phẩm đầu vào cần thiết cho sản xuất. Người sản xuất khi phát hành CPR sẽ cam kết giao hàng đúng số lượng vào một ngày xác định trong tương lai và tại địa điểm xác định, người mua sẽ thanh toán trước một khoản tiền tương đương với số lượng hàng hóa. Hoạt động này không có gì khác so với bán trước hàng hóa (sẽ có trong tương lai).

Trong tất cả các quốc gia trồng cà phê, có thể nói Brazil là quốc gia mà nông dân sử dụng công cụ quản trị rủi ro dựa vào thị trường nhiều nhất. Điều này có thể do: Thứ nhất, nông trại quy mô vừa và đồn điền lớn chiếm phần lớn thị phần sản xuất. Brazil có 221.000 nông trại (trong đó có 30% nông trại có quy mô trên 10ha) và 70 hợp tác xã. Thứ hai, nước này có khoảng 1.500 doanh nghiệp rang xay, 9 nhà máy sản xuất cà phê hòa tan và 200 công ty xuất khẩu cà phê. Trong khi đó, quy mô trang trại cà phê ở Việt Nam phần lớn (hơn 80%) từ 0,2-2ha (dẫn theo Phuong Nguyễn, 2012).

Người sản xuất nông nghiệp nhận tín dụng ngân hàng dựa vào tài sản thế chấp là mùa vụ trong tương lai. Tại Brazil có một hệ thống giúp đảm bảo mối liên hệ chặt chẽ giữa người cho vay và người phát hành CPR, trong đó họ chia sẻ kiến thức về các giao dịch, sản lượng thu hoạch trung bình trong các vùng, sản lượng tiềm năng. Hệ thống này cho phép người cho vay có cơ hội theo dõi tình trạng của sản lượng thu hoạch trong tương lai. Tài sản thế chấp và đất đai được đăng ký với tên của người sở hữu thông qua đăng ký CPR và có sự giám sát hoặc của tổ chức độc

lập hoặc người cho vay. Giám sát chặt chẽ bắt buộc thực hiện tại các giai đoạn sản xuất. Các cuộc khảo sát trước khi gieo hạt, các cuộc viếng thăm hàng tháng, và kiểm tra liên tục trong suốt thời gian thu hoạch để chắc chắn rằng không xảy ra sai sót nào. Yếu tố then chốt cuối cùng đảm bảo cho sự thành công của CPR tại Brazil là hệ thống luật lệ thi hành: những quyết định được thực hiện hiệu quả, trong vòng một đến hai ngày. Vì vậy, người đi vay có rất ít cơ hội từ chối hoặc tranh cãi về các quyết định được thực hiện thông qua quy trình bắt buộc thi hành.

3.2.2. Kinh nghiệm giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê ở Mexico

Trong niên vụ cà phê 2013/2014, bắt đầu từ tháng 10, nông dân Mexico có thể tự tham gia bảo hiểm nông sản của họ thông qua các hợp đồng kỳ hạn trong đó chính phủ sẽ hỗ trợ 85% chi phí bảo hiểm rủi ro cho nông dân (đây là vấn đề bảo vệ người nông dân do sự giảm giá bất kỳ). Đã có khoảng 180.000 người trồng cà phê đã được chính phủ Mexico đăng ký đủ điều kiện tham gia chương trình, miễn là họ mua bảo hiểm rủi ro cho tối thiểu là 369 bao cà phê (1 bao = 60kg) (dẫn theo Phuong Nguyễn, 2011c).

ASERCA (Apoyos y Servicios a la Comercialización Agropecuaria) là một tổ chức thuộc chính phủ, có trách nhiệm cung cấp các dịch vụ cho khu vực nông nghiệp trong nước, bao gồm mua (có trợ cấp) hợp đồng quyền chọn mua và hợp đồng quyền chọn bán cho nông dân trồng lúa, bông và cà phê, cũng như cho công ty chế biến gạo. ASERCA trực thuộc Bộ Nông nghiệp và được thành lập năm 1991 nhằm tạo thuận lợi cho việc chuyển đổi nông nghiệp Mexico từ hệ thống thị trường chịu sự can thiệp của nhà nước sang hệ thống thị trường tự do.

ASERCA tham gia vào quản lý rủi ro giá bắt đầu vào niên vụ 1992/1993, đầu tiên là cung cấp cho nông dân trồng lúa, hạt có dầu và bông khả năng tự bảo hiểm cho chính mình trước rủi ro giá giảm; công cụ được sử dụng là hợp đồng quyền chọn và giao sau lúa mì, bắp, đậu nành, bông tại các sàn Chicago và New York, cũng như hợp đồng hoán đổi gạo. Mục tiêu năm đầu tiên hoạt động là đảm bảo nguồn quỹ đủ để trợ cấp cho nông dân. Chương trình cung cấp hợp đồng quyền chọn cho nông dân được giới thiệu vào năm 1994, sau đó dần dần phát triển và mở rộng. Năm 1999 giới thiệu hợp đồng quyền chọn bán cho nông dân trồng cà phê và quyền chọn mua cho người chăn nuôi. Theo chương trình này, nông dân mua quyền chọn bán từ các văn phòng của ASERCA tại địa phương, sau đó

ASERCA sẽ mua hợp đồng quyền chọn trên danh nghĩa người nông dân tại các sàn giao dịch phù hợp thông qua môi giới tại Mỹ. Trong thực tế, ASERCA hoạt động như một môi giới bằng cách tập hợp những rủi ro giá của nhiều nông dân và phòng ngừa tại các sàn thích hợp (ASERCA, 2015).

3.2.3. Kinh nghiệm giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê ở Tanzania

Theo nghiên cứu của tác giả Phương Nguyễn (2011b), những nỗ lực ban đầu nhằm mang quản lý rủi ro giá đến cho nông dân trồng cà phê tại Tanzania và Uganda đã đạt được một ít thành công bền vững. Ngân hàng địa phương – Ngân hàng Thương mại và Phát triển Đông và Bắc Phi (Eastern and Southern African Trade and Development Bank – PTA Bank) bắt đầu một “Hợp đồng đảm bảo giá” (“Price Guarantee Contract Facility”) vào năm 1994, theo đó, PTA Bank xây dựng chương trình quản lý rủi ro giá và cung cấp tín dụng thương mại cho cà phê và bông (hầu hết tập trung vào thời gian sau thu hoạch và dựa trên chứng thư gửi kho). Nhiều hội thảo được tổ chức tại 8 nước trong các nước thành viên, nhiều nhà xuất khẩu và chế biến tham gia, cùng một hoặc hai hợp tác xã nông nghiệp. Nhưng chương trình đảm bảo giá này từ từ biến mất dần trong nửa sau những năm 1990.

Là một trong những dự án đầu tiên thực hiện bởi Lực lượng đặc nhiệm về quản lý bất trắc trong nông sản hàng hóa ở các nước đang phát triển (International Task Force on Commodity Risk Management), hợp tác xã lớn nhất của Tanzania – Kilimanjaro Native Cooperative Union (KNCU), với hàng ngàn thành viên, được hỗ trợ trong giai đoạn 2000-2002 phát triển một chương trình quản lý rủi ro giá. Kết quả là, năm 2002 mua hợp đồng quyền chọn bán cho 700 tấn cà phê. Một ngân hàng Hà Lan thông qua ngân hàng địa phương – Ngân hàng Phát triển Hợp tác xã nông thôn (Cooperative Rural Development Bank – CRDB) cung cấp hợp đồng quyền chọn giá trung bình. Điều này cho phép hợp tác xã duy trì việc đảm bảo giá tối thiểu cho thành viên và thanh toán những khoản tiếp theo nếu giá cao hơn sau khi thu hoạch. Giá tối thiểu cho thành viên cao hơn giá mà hợp tác xã nhận được khi bán cà phê, do đó hợp tác xã quyết định phòng ngừa rủi ro cho năm mùa vụ tiếp theo sau. Thêm vào đó, ngân hàng địa phương tài trợ tài chính cũng khuyến khích hợp tác xã tìm kiếm sự bảo vệ giá cho mùa vụ 2002-2003.

3.3. Kinh nghiệm giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê ở Việt Nam

3.3.1. Một số tồn tại trong sản xuất cà phê ở Việt Nam

Dẫn theo Minh Tuấn & Anh Thi (2015), sản xuất cà phê ở Việt Nam hiện nay về quy mô phát triển chưa ổn định, cụ thể:

- Diện tích cà phê già cỗi chiếm tỷ lệ khá cao: Cà phê trên 20 năm hiện có trên 86 nghìn ha chiếm 17,3% tổng diện tích cà phê, nhiều cành không cho quả, năng suất và chất lượng quả thấp. Trên 40 nghìn ha cà phê dưới 20 tuổi nhưng đã có biểu hiện già cỗi sinh trưởng kém, năng suất và chất lượng quả thấp. Nguyên nhân của tình trạng này là một phần do tình trạng thâm canh cao dẫn đến sự suy thoái nhanh chóng của diện tích cà phê. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2010) dẫn từ FAO, năng suất cà phê Việt Nam giai đoạn 1961-2012 cao hơn năng suất trung bình thế giới 2,5 lần. Tổng diện tích cà phê già cỗi cần phải trồng thay thế và chuyển đổi trong 5 - 10 năm tới khoảng 140 - 160 nghìn ha. Điều này có thể dẫn đến giảm năng suất và chất lượng cà phê Việt Nam trong thời gian tới.

- Về giống cà phê: Hiện nay cà phê vối chiếm khoảng 92,9%, cà phê chè đạt trên 31 nghìn ha chiếm 6%; cà phê mít đạt gần 5 nghìn ha trong diện tích cà phê cả nước, chủ yếu trồng bằng cây thực sinh (chiếm 65-75% diện tích) là yếu tố hạn chế hiệu quả đầu tư và ảnh hưởng đến chất lượng vườn cây cà phê (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2010).

- Phân bón cho cà phê: Nhìn chung bón phân hóa học cho cà phê chưa cân đối, vượt liều lượng;

- Thu hái cà phê: Việc thu hái cà phê còn chưa tuân thủ theo quy trình kỹ thuật. Năng suất cao nhưng chất lượng thấp, không đồng đều nên giá thấp hơn giá thế giới. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2010), chỉ có 10% các hộ trồng hái cà phê đã chín, 90% còn lại hái tuốt cà phê quả xanh lẫn quả chín, khiến chất lượng cà phê Việt Nam thấp. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến giá cà phê Việt Nam thấp hơn giá cà phê thế giới từ 30-40 USD/tấn. Lượng cà phê có xuất xứ Việt Nam bị loại do không đạt tiêu chuẩn của sàn giao dịch Liffe tại London còn cao.

- Cây che bóng: Đa số diện tích cà phê trồng thuần không có cây che bóng.

3.3.2. Tình hình rủi ro thường gặp trong sản xuất cà phê tại Việt Nam

Theo Ngân hàng thế giới (2004), rủi ro chính cho các nhà sản xuất cà phê là rủi ro trong quá trình sản xuất và rủi ro do giá cả. Các mô hình sản xuất của

Việt Nam sử dụng nhiều đầu vào được các nhà nghiên cứu, các dịch vụ tư vấn hoặc tổ chức tín dụng khuyến khích. Sử dụng nhiều phân bón có thể đảm bảo ổn định sản lượng và hạn chế ảnh hưởng của điều kiện môi trường tự nhiên. Tuy vậy, đầu tư nhiều cho chi phí đầu vào cũng làm gia tăng rủi ro cho nhà sản xuất không bù đắp được chi phí đầu vào.

Những nông dân hợp đồng trồng cà phê với các doanh nghiệp nhà nước không phải chịu rủi ro giá cả đối với số lượng cà phê giao nộp đã hợp đồng. Mặc dù nông dân có rủi ro về sản lượng nhưng rủi ro này sẽ được bù đắp vào những năm tiếp theo thu nhập. Với việc chi phí cho các yếu tố đầu vào có thể giúp các nông dân này hạn chế sự bất ổn sản lượng nhưng rủi ro trong quản lý sẽ xuất hiện. Ngoài ra, nông dân hợp đồng cũng phải chịu rủi ro giá cả cho phần sản lượng vượt quá sản lượng họ đã ký hợp đồng với các doanh nghiệp nhà nước.

Đối với nông trại trồng cà phê, thái độ tránh rủi ro thái quá (risk aversion) sẽ tăng do nông dân trồng cà phê sẽ phản ứng với sự biến động về giá. Điều này khiến cho các nhà sản xuất khó khăn trong việc phân bổ các nguồn lực một cách hiệu quả, hạn chế họ tiếp cận với nguồn vốn tín dụng đầu tư cho việc nâng cao năng suất dẫn đến họ phải lựa chọn công nghệ có năng suất thấp và có thể phải chấp nhận thu nhập thấp hơn.

Diễn biến thời tiết ở vùng trồng cà phê đang ngày càng có xu thế cực đoan hơn: thiên tai xảy ra thường xuyên; các hiện tượng thời tiết nguy hiểm khác như giông, lốc xoáy, mưa đá xuất hiện ngày càng nhiều và bất thường. Tần suất xuất hiện mưa vào các tháng 12, tháng 1 khá phổ biến, làm cho các loại cây trồng như điều, cà phê gặp trở ngại trong quá trình thụ phấn, dẫn đến tỷ lệ đậu quả thấp, làm giảm năng suất. Hoặc mới vào đầu mùa khô xuất hiện một đợt mưa phùn làm hoa cà phê nở lai rai, khiến tỷ lệ đậu quả thấp, ảnh hưởng đến năng suất và thu hoạch cũng như sơ chế, thời gian phơi kéo dài, nhân bị đen, lỗi chất lượng theo TCVN 4193 - 2005 sẽ tăng, kéo theo giá bán giảm. Trong khi đó, từ tháng 4 đến tháng 7, giai đoạn cây cà phê cần nhiều nước để đáp ứng cho nhu cầu sinh trưởng và phát triển của quả, song gần đây, lượng mưa ở các tháng này có xu hướng thấp, tần suất mưa ít, gây thiếu nước, làm quả cà phê bị khô và rụng hoặc nhân nhỏ.

Theo những nông dân trồng cà phê ở thôn Tiến Đạt, xã Quảng Tiến (huyện Cư M'gar), những năm gần đây, thời tiết có những biến đổi rõ rệt, nhiệt độ tăng, mực nước ngầm giảm nhiều, mỗi năm bà con

phải đào giếng xuống thêm 3-4m mới có đủ nước tưới. Bên cạnh đó, lại xuất hiện nhiều cơn mưa trái mùa khiến hoa cà phê nở không đồng loạt, nhiều hoa bị thối, không đậu quả; sâu bệnh hại xảy ra thường xuyên hơn, với mức độ gây hại nghiêm trọng, nhất là rệp sáp, khiến nhiều vườn giảm đến 40% năng suất (CDC, 2014).

Quá trình thu hoạch và sau thu hoạch thường được mô tả là những thời điểm cốt yếu trong quá trình quản lý chất lượng. Nếu không có cơ sở hạ tầng hợp lý tại các trang trại thì sẽ rất khó duy trì chất lượng cao mặc dù quá trình trồng trọt đã được chăm sóc kỹ lưỡng. Ở nhiều vùng việc thiếu các thiết bị sấy là một hạn chế ngăn trở việc cải thiện tiêu chuẩn chất lượng cà phê Việt Nam. Hầu hết nông dân thu hoạch và tự sấy hạt cà phê của mình và sau đó bán lại cho những người thu mua và các đại lý mua cà phê hoặc tự giao cho những nhà máy chế biến. Trong mùa thu hoạch nếu trời ẩm ướt, khả năng phơi khô tự nhiên bị hạn chế, do đó nông dân buộc phải mang cà phê của mình tới sấy khô bằng máy ở một cơ sở chế biến nào đó với chi phí cao hoặc phải gánh chịu hậu quả là chất lượng giảm sút do điều kiện sau thu hoạch quá ẩm. Rất ít người nông dân có thể tiếp cận được với những phương pháp sấy khô tốn kém nhất song cũng đáng tin cậy nhất - sấy khô bằng máy. Những máy sấy được hỗ trợ bằng năng lượng mặt trời thường tiết kiệm chi phí và phù hợp với môi trường đã được thử nghiệm ở một vài nước song chưa được đưa vào Việt Nam có lẽ là do ở một số vùng của đất nước, thời tiết vụ thu hoạch thường quá âm u (Ngân hàng thế giới, 2004).

Ngoài vấn đề thời tiết ảnh hưởng đến khả năng sấy khô cà phê còn tồn tại hai vấn đề khác. Thứ nhất, nhiều nông dân không đủ chỗ để phơi cà phê. Thứ hai, trong khi nhiều người đã dùng bạt nhựa, ván mỏng, sân xi măng hay chiếu để phơi thì những người khác chỉ rải hạt cà phê lên nền đất trống, do vậy đã làm cà phê mất mùi, lẫn tạp chất hay chất lượng giảm sút.

3.4. Bài học kinh nghiệm nhằm giảm thiểu rủi ro trong sản xuất cà phê ở Việt Nam

- *Kinh nghiệm đầu tiên:* Hợp tác xã đóng vai trò là một trung gian quan trọng giữa nông dân và các thị trường trong quản lý rủi ro. Trong phạm vi nào đó, điều này cũng có thể hiểu được, vì hầu hết từng cá nhân nông dân quy mô quá nhỏ để quản lý rủi ro hiệu quả, và dạng thức nào đó nhằm tập hợp họ lại là điều cần thiết. Tuy nhiên, là bài học kinh nghiệm đầu tiên, quan điểm này trong thực tế được chứng minh là không hữu ích, vì 2 lý do: Thứ nhất, đa số

nông dân tại các nước đang phát triển – và điều này không có gì khác đối với nông dân trồng cà phê – không được tổ chức trong các hợp tác xã hiệu quả. Thứ hai, thậm chí các hợp tác xã được tổ chức tốt thường có những vấn đề nội tại (chẳng hạn, các nhà quản lý được chỉ định và luân chuyển đều đặn; ra quyết định quan liêu) đã ngăn cản sử dụng hợp lý các thị trường quản lý rủi ro.

Kinh nghiệm cho thấy hiệp hội nông dân có thể đóng vai trò quan trọng, và yếu tố then chốt nằm ở sự kết hợp giữa những hiệp hội này (dạng chính thức như hợp tác xã, và dạng phi chính thức như các nhóm quảng bá [marketing groups]), và các tổ chức bên ngoài (ngân hàng hoặc cơ quan nhà nước, chẳng hạn). Những động lực giữa hai tổ chức này có thể giúp áp dụng các chiến lược quản lý rủi ro một cách bền vững (Phuong Nguyễn, 2011b).

- *Kinh nghiệm thứ hai*: là sự trực tiếp tham gia vào các thị trường giao sau tại các nước phát triển của hiệp hội nông dân các nước đang phát triển hầu như là không thể. Nông dân sẽ cần hoặc là sản phẩm địa phương, hoặc là trung gian trong nước – tổ chức có quy mô và hiểu biết nhằm mở tài khoản giao dịch với môi giới hoặc ngân hàng tại các nước phát triển.

- *Kinh nghiệm thứ ba*: là kết hợp quản lý rủi ro KYC (Know-Your-Customers) và cung cấp tín dụng mang lại nhiều lợi ích. Tổ chức cung cấp tín dụng có thể đóng vai trò như một cửa ngõ để quản lý rủi ro (đặc biệt khi mà họ đã có sẵn những mối quan hệ cần thiết với cộng đồng tài chính quốc tế) và cung cấp nguồn quỹ cần thiết cho việc thanh toán phí quyền chọn hoặc thậm chí trang trải cả yêu cầu ký quỹ. Nhìn từ góc độ của tổ chức cung cấp tín dụng, việc này cũng sẽ làm giảm rủi ro tín dụng và mang lại nguồn thu nhập mới.

- *Kinh nghiệm thứ bốn*: là không có giải pháp quản lý rủi ro nào “một cho tất cả”. Thậm chí trong một nhóm, nông dân thích có được một loạt các giải pháp và tự mình sẽ lựa chọn một hay nhiều giải pháp trong số đó.

- *Kinh nghiệm cuối cùng*: cũng khá quan trọng là: khái niệm các công cụ quản lý rủi ro dựa vào thị trường, chẳng hạn như hợp đồng giao sau, quyền chọn và những sản phẩm không chính thức bắt nguồn từ những hợp đồng đó không khó khăn để hầu hết nông dân hiểu thấu. Thật vậy, họ sẵn lòng hiểu những công cụ nào đủ tốt để thực hiện những

lựa chọn cơ hội cho mình. Cho nên, có trường hợp một hợp tác xã (chẳng hạn trường hợp của hợp tác xã KNCU tại Tanzania) có hiểu biết về thị trường và chiến lược quản lý rủi ro và đã có một năm thực hiện chiến lược quản lý rủi ro thành công, hợp tác xã này không muốn tiếp tục chiến lược đó trong năm tới. Nói cách khác, tổ chức cung cấp quản lý rủi ro không nên kỳ vọng một lượng khách hàng ổn định (Phuong Nguyễn, 2011c).

4. Kết luận

Đây là những nghiên cứu bước đầu, chúng tôi hy vọng Việt Nam cần tiếp tục phát triển việc sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro mà hiện nay việc thực hiện đó đang còn quá mờ nhạt. Vấn đề quan trọng là cải thiện được quan điểm và nhận thức lạc hậu, các chính sách quy định của Chính phủ trong việc sử dụng công cụ phòng ngừa rủi ro.

Cần phải thấy được những bước phát triển nhất định của các nước trong ngành cà phê, loại trừ được phần lớn các tác động của rủi ro giá cả nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ nông dân.

Các công ty cung cấp công cụ bảo hiểm rủi ro (có thể là các nhà đầu cơ quốc tế, công ty buôn bán, ngân hàng, bảo hiểm...) cần có cái nhìn tích cực và cam kết thực hiện sáng kiến này.

Ngân hàng có thể cung cấp bảo hiểm rủi ro giá trị có động cơ cho người sản xuất vay nếu có thể bảo hộ được rủi ro hoặc nếu biết rằng khách hàng vay tiền được bảo vệ, có mối quan hệ chặt chẽ giữa quản lý rủi ro giá và tài chính.

Cần thành lập quỹ bảo hiểm (bảo hiểm mùa vụ) do người dân đóng góp để tránh rủi ro thời tiết, bệnh tật đối với cây trồng.

Cần duy trì hệ thống trả giá cho nông hộ thành nhiều lần để tránh trường hợp giá biến động lớn. Nên đặt ra các mức giá sàn khác nhau để khuyến khích nông dân sản xuất cà phê chất lượng cao.

Cần có thông tin thị trường chính xác, công khai, có phân tích, dự báo.

Cần thiết lập một tổ chức như liên minh hợp tác xã mạnh, có khả năng điều phối và tổ chức các thành viên, kêu gọi tài trợ, duy trì sự phát triển bền vững của hệ thống bảo hiểm. Cần thiết lập quan hệ chặt chẽ giữa liên minh hợp tác xã với hệ thống tài chính. Các đối tượng tham gia cần có hệ thống theo dõi thường xuyên, cung cấp thông tin công khai về sở hữu, cơ cấu, tình trạng tài chính, tình hình buôn bán trước đây và chiến lược trong tương lai. □

Lời thừa nhận/cảm ơn: “Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số II 1.1-2012.17”

Tài liệu tham khảo

- ASERCA (2015), *Mission / Vision and Strategic Objectives*, Retrieved on Decemeber 15th, 2015, from <<http://www.aserca.gob.mx/somosaserca/mision/Paginas/default.aspx>>.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2010), *Quy hoạch phát triển ngành cà phê Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*, Hà Nội.
- Community Development Center [CDC] (2014), *Đắk Lắk – Sản xuất cà phê ứng phó với biến đổi khí hậu*, truy cập lần cuối ngày 9 tháng 12 năm 2015, tại <<http://en.cdc.org.vn/cong-thong-tin/climate-change/dak-lak-san-xuat-ca-phe-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau>>.
- Knight, Frank (1921), *Risk, Uncertainty and Profit*, Houghton Mifflin Company, Boston, USA, 233.
- Ngân hàng Thế giới (2004), *Báo cáo ngành hàng cà phê*, Ban Nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Minh Tuấn & Anh Thi (2015), *Phát triển bền vững ngành cà phê Việt Nam: Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp*, Tạp chí Kinh tế nông thôn online, truy cập lần cuối ngày 9 tháng 12 năm 2015, từ <<http://www.kinhtenongthon.com.vn/Phat-trien-ben-vung-nganh-caphe-Viet-Nam-Thuc-hien-dong-bo-nhieu-giai-phap-108-51085.html>>.
- Phuong Nguyễn (2011a), *Kinh nghiệm quản lý rủi ro về giá cà phê tại các nước*, Diễn đàn của người nông dân trồng cà phê, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 12 năm 2015, từ <<http://giacaphe.com/16924/kinh-nghiem-quan-ly-rui-ro-ve-gia-ca-phe-tai-cac-nuoc/>>.
- Phuong Nguyễn (2011b), *Kinh nghiệm quản lý rủi ro về giá cà phê tại các nước phần 2*, Diễn đàn của người nông dân trồng cà phê, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 12 năm 2015, từ <<http://giacaphe.com/16977/kinh-nghiem-quan-ly-rui-ro-ve-gia-ca-phe-tai-cac-nuoc-phan-2/>>.
- Phuong Nguyễn (2011c), *Kinh nghiệm quản lý rủi ro về giá cà phê tại các nước phần 3*, Diễn đàn của người nông dân trồng cà phê, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 12 năm 2015, từ <<http://giacaphe.com/17060/kinh-nghiem-quan-ly-rui-ro-ve-gia-ca-phe-tai-cac-nuoc-phan-3/>>.
- Phuong Nguyễn (2012), *Cà phê, tín dụng và Brazil*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 12 năm 2015, từ <<http://giacaphe.com/34310/ca-phe-tin-dung-va-brazil/>>.
- Pfeffer, Irving (1956), *Insurance and Economic Theory*, Homeword III: Richard Di Irwin, Inc. USA, 42.
- Willett, Allan (1951), *The Economic Theory of Risk and Insurance*, University of Pensylvania Press, Philadelphia.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Ngọc Thắng**, Thạc sỹ, Nghiên cứu sinh

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế, Kinh tế nông nghiệp, quản trị kinh doanh, quản lý công, thẩm định và quản lý chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội

- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và phát triển, Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn...

- Địa chỉ Email: ngthang67@yahoo.com

** **Nguyễn Tất Thắng**, Tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế và PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế phát triển, kinh tế nguồn lực.

- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và phát triển, tạp chí Kinh tế và dự báo, Tạp chí Kinh tế Sinh thái, Journal of agricultural economics, Review of agricultural economics,...

- Địa chỉ Email: nguyenduongthang@yahoo.com